

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/10/2018

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến

2. Bà Trần Thị Hà

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:** ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Hải Âu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2018/TLST- HNGĐ; ngày 27 tháng 6 năm 2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐ-HPT, ngày 02/10/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm:1993

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Văn B, sinh năm:1990

Nơi cư trú cuối cùng: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Trương Thị Ngọc H trình bày:**

- Về hôn nhân: bà và ông B tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với

ông Nguyễn Văn B, khi còn sống chung ông bà thường xuyên mâu thuẫn cãi vã về tiền bạc, kinh tế gia đình không ổn định; ông bà không còn tình cảm với nhau. Từ tháng 12/2015 đến nay ông B đi đâu không rõ, bà đã tìm đủ mọi cách nhưng vẫn không liên lạc được.

- Về con chung: bà và ông B không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.**

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203, 237, 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Ngọc H, bà H được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: ông bà chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H trình bày không có tài sản và nợ chung.

Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vì vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trương Thị Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản, QĐXX, QĐ hoãn phiên tòa hợp lệ, theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay ông B vẫn vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H HĐXX nhận thấy: Bà H và ông B tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, thời điểm còn chung sống với nhau, bà H ông B đã không còn tình cảm, phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, hay cãi vã không quan tâm đến nhau, hiện nay ông B đã bỏ địa phương đi từ tháng 12/2015 bà H đã tìm cách liên lạc nhưng bất thành, ngày 11/11/2016 đã được Tòa án nhân huyện Tuy Phong ban hành Quyết định giải quyết Việc dân sự số 08/QĐ-VDS về việc: “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” và Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Hôn nhân của bà H, ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà H và ông B đã thật sự trầm trọng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H; bà H được ly hôn ông Nguyễn Văn B, áp dụng khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn yêu cầu của bà H.

- Về con chung: bà và ông B không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát huyện Tuy Phong

Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc H về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Văn B.

Xét thấy, việc đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trương Thị Ngọc H bà H được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung: bà H ông B không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019343 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; bà H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/10/2018), và ông Nguyễn Văn B là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc